

# Chữ Nghĩa Làng Văn

Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.

## Cây Mai của Kiều là cây Mơ

Bằng chứng là định nghĩa của từ điển:

*Từ điển Truyện Kiều* Đào Duy Anh: Mai: cây mai, giống cây mơ, nhưng cành có vẻ khẳng khiu cứng cáp hơn. *Từ điển tiếng Việt* Văn Tân: Mai: cây mơ.

*Từ điển tiếng Việt* Nguyễn Văn Đạm: Mai: họ cùng với mơ.

Bằng chứng là những dòng thơ vịnh mai trong thi ca Hán Nôm; chẳng hạn trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*: Bài "Mai thụ" (Cây mai): *Nhà truyền thanh bạch dăng từng khối* hoa mai thanh nhã, trắng trẻo nở đầy cành.

Bài "Tảo mai" (Hoa mai đầu mùa): *Hoa bạc phau phau xâm khí tuyết.*

Bài "Lại vịnh hoa mai vẽ": *Sương chẳng phau tung, tuyết chẳng đời.*

Bài "Lão mai" (Cây mai già): *Tuyết giúp tinh thần ngọc hây còn.*



Hoặc trong thơ Trương Duyệt đời Đường, bài "U Châu tân tuế" (Năm mới ở U Châu): *Khứ tuế Kinh Nam mai tỵ tuyết, Kim niên Kế Bắc tuyết như mai* (Năm ngoái ở Kinh Nam mai trắng tựa tuyết, Năm nay ở Kế Bắc tuyết trắng như mai). Và trong *từ* Dương Vạn Lý đời Tống, *điều Úc*

*Tần Nga*: *Lạc mai như tuyết, Dã đào hồng tiểu* (Hoa mai rụng như tuyết, Hoa đào rừng đỏ, nhỏ).

Như vậy cây mai nở hoa màu trắng, không phải màu vàng.

Hoa mai trong thơ Hán Nôm có hương thơm. Như qua thơ Nôm Nguyễn Trãi: *Ngày tuy gió chẳng bay hương* ("Lão mai"); *Lịm đưa hương một nguyệt hay* ("Mai thi"); hay thơ đời Hồng Đức: *Xuân thêm cốt cách hương càng bội* ("Lão mai"); *Mùi hương ngậm thể khôn hay* ("Lại vịnh hoa mai vẽ"); và thơ *Nhị độ mai*: *Hương đầu phụng phúc tứ bề, Hoa đầu san sát đầy khe một vườn.*

Tất cả những đặc tính vừa trình bày chứng tỏ cây mai trong thơ Đường, thơ ta như cây mai trong *Kiều*, trong *Cung oán*, trong *Nhị độ mai* v.v... và trong thơ không phải là cây mai của miền Trung và nhất là của miền Nam nước ta, cây mai được chưng làm cảnh trong ngày Tết. Nó là cây mơ. Nó chỉ mọc và trồng được ở miền Bắc và Bắc Trung phần, nhiều nhất ở vùng chùa Hương. Tóm lại, tất cả những *hoa mai, cành mai, dáng mai, thân mai* v...v... trong thi ca Hán Nôm đều không dính dáng gì đến cây mai chúng ta quen mua tại các chợ hoa Sài Gòn để chưng ngày Tết.

(Mai không phải là mai, liên không hẳn là sen – Trần Văn Tích)

## Bạt

Bạt : lau, chùi

(bèn bạt nước mắt)

(*Tự điển tiếng Việt cổ* - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Tiếng Huế, tiếng Chàm

Liên hệ Chàm-Việt, mình nói ni mô tê, người Chàm cũng mô tê rứa ni! Vì hai ngôn ngữ này cận kề nhau, có thể nói rằng cả hai cùng chung huyết thống ngôn ngữ (genetics). Nói rộng hơn, có thể cả hai cùng là ngôn ngữ nguyên sinh (proto-languages) trong ngữ hệ Austro-Asiatic. Và nếu như vậy, tiếng Việt hay tiếng Chàm, tiếng nào là ngôn ngữ mẹ (mother language), tiếng nào ngôn ngữ con (daughter language) đây?

Những tiếng hai xứ Thuận-Quảng ngày trước nói sao thì người Chàm cũng phát âm tương tự hay gần gần như rứa.

*Nam Ô nổ om  
Cấm Phô nổ nôi.*

**Om:** nồi nhỏ bằng đất nung để nấu ăn. Người Thuận, Quảng và Chàm đều là gọi om.

*Trai Cù Đê, gái Thanh Hà  
Chồng cái đố, vợ cái hom.*

**Đố** (Chàm: k-no-k, kr-o), vật dụng làm bằng tre để bắt cá. Hom, cũng tiếng Chàm luôn (hom) nhưng nghĩa khác; óm yếu hom hem. Hom trong câu ca dao, một bộ phận của đố. Đố cần hom. Hom không có đố cũng như không!

Ngày xưa trong xóm, trẻ con thường hát bài cái đố, thuộc lầu cả bài mà chẳng hiểu chi câu ca dao xứ Quảng, bây giờ đọc lại mới thấm nghĩa, than ôi quá muộn vì không còn nhớ hết bài:

*Trời mưa trời gió, vác đố ra đòm (đòm, bắt cá)  
Chạy vô ăn cơm, chạy ra bắt đố  
Kể từ ngày đố, đố bỏ đố đi ...*

Bạn đọc ai còn nhớ, bài hát con nít có đầu có đuôi:

*Trăng lên lu lú đầu non  
Số em là số sớm con muộn chồng.*

Câu ca dao đọc tới đọc lui, đúng là cái dí dỏm của người xứ Quảng! Lú (Chàm: chj-lu, k-lu): bốc lên, lú lên. Lú, tiếng Việt, cũng gần gần đồng nghĩa: nhô lên, mọc lên, lồi lên. Lú, đồng âm khác nghĩa: trí nhớ kém, mau quên (Chàm: lu-k). Tiếng Việt nhiều lú lăm: lú lẫn, lú ruột lú gan, ăn cháo lú, cha lú có chú khôn.

(Nguyễn Hương - Bên lề 700 năm Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Thành ngữ cải cách hôm nay:  
“Cu ai nấy đái”

### **Chém**

Ta học qua về động từ Chém. Quan thoại nói Chàl, Quảng-đông nói Chàm, tiếng Hán Việt là Tràm. Vậy động từ Chém, chắc chắn là ta mượn của Tàu vì bốn giọng giống nhau quá.

Ta không có Dao hay sao? Xem qua kho vũ khí của ta khai quật được ở Đông Sơn thì quả ta không có món gì để mà chém hết, mà chỉ có những vũ khí để đâm mà thôi: lưỡi lao bằng đồng để phóng, lưỡi đoản kiếm, lưỡi rìu. Nhưng nhà bác học V. Gouloubew nói rằng lưỡi rìu ấy để ném chứ không phải để chặt (arme de jet).

Ta không có vũ khí, không có dụng cụ để chém thì dĩ nhiên ta không có động từ chém, phải mượn của tiếng Tàu. Có một lưỡi kiếm bén ở hai bên, mà đó là lưỡi kiếm của nhà Hán. Người chết trong những cái mồ chứa đựng vũ khí ở Đông Sơn là quý tộc Lạc Việt vì người ấy có tư trang bằng ngọc. Chỉ có quý tộc là có chém, nhờ lưỡi kiếm vay mượn ấy, còn đại đa số dân chúng thì không mà ngôn ngữ thì lại từ dân chúng mà ra.

(Bình Nguyên lộc - Dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt Nam)

### **Khi các cụ ta xưa... xô nho**

*Thầy Mạnh? Cụ Mạnh sinh ra  
Đủ mẹ con hát, tổ cha thằng bày*

### **Phố Nhật và Lai viễn kiều**

Chúa Phước Nguyên đã nhận một người Nhật tên là Araki Sataro (Mộc Thôn Tông Thái Lang) làm con rể của mình và đặt cho người này tên Việt là Nguyễn Hiền Hùng, người này thay mặt nhà chúa buôn bán giao thương. Để tiện cho việc buôn bán, các thương nhân Nhật được được mua đất đai để làm nhà, lập phố. Người Nhật mua 20 mẫu ruộng ở làng Hoài Phô cạnh sông Thu Bồn để xây dựng nhà phố với kiến trúc đặc sắc khác như chùa “Tùng Bồn tự”, và chiếc cầu gỗ “Nhật Bản kiều”.

Phố người Nhật ở phía Đông nằm ở vị trí làng Hoài Phô, phố người Hoa ở phía Tây, hai phố cách nhau một khe nước lớn mà sau này người Nhật đã xây một cây cầu bắc qua mà ngày nay vẫn còn (Trong “Hải ngoại ký



sự", năm 1695, nhà sư Thích Đại Sán gọi nó là "Nhật Bản kiều". Tên Lai Viễn Kiều – chiếc cầu của những người từ phương xa tới – do Chúa Nguyễn Phước Chu đặt ra vào năm 1719, trong chuyến đi ngang qua Hội An.). Cầu có thể khẳng định là xây trước năm 1617, được xây theo kiểu "thượng gia hạ kiều", hai đầu cầu có hai cặp tượng hổ và chó tạc bằng gỗ với tư thế ngồi chầu, trước mặt có bát nhang. Vì có thể là do cầu được xây dựng vào từ năm Tuất đến năm Thân.

(Hội An là một trong 4 phố mà người Nhật dựng lên ở Mania, Phnompenh, Ayuthya. Thị trường Hội An đầu tiên (1618) là Furamoto Yashishiro, tiếp đó là Simonosera. Giai đoạn này có nhiều dòng họ thương nhân Nhật nổi tiếng đến Hội An, như dòng họ Chaya, Yashishiro, Simonosera...)

(Đặng Thị Hường - Mối quan hệ Việt-Nhật ở phố cổ Hội An)

## Ben

Ben : đi theo

(ai thông thả trâu nào ben cho kịp)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Từ điển văn học bộ mới

Vừa được phát hành đầu năm 2005, là tái bản của Từ Điển cùng tên, ra đời trước đây hai mươi năm và có nhiều thay đổi cái nhìn mới, tư duy mới, và cái mới nghiêm túc. Một ví dụ đánh dấu cởi mở, là đề mục Vũ Hoàng Chương. Bộ Mới đã xóa bỏ câu này:

" Tập thơ Hoa Đăng... phụ họa với bộ máy tâm lý chiến của Mỹ Ngụy. Từ chỗ sa đọa trong sinh hoạt, suy đồi trong nghệ thuật, **Vũ Hoàng Chương** rốt cuộc đã sa đọa cả trong chính trị", cũng tập thơ ấy, ngày nay được cũng người viết ấy xem như là " những bài bốc đồng, thiếu chín chắn về mặt chính trị của một người thực chất chỉ biết say, mộng và tràn ngập ột trời sầu" và soạn giả còn viết nhiều đoạn đề cao Vũ Hoàng Chương " tài hoa, sang trọng... đã diễn tả thật thấm thía, nhức nhối tình cảnh và tâm trạng bơ vơ, lạc loài của những cái tôi không tìm thấy chỗ đứng và hướng đi..."



Soạn giả (Vũ Hạnh) lại tìm được và trích một đoạn thơ dài ca ngợi cách mạng Tháng Tám, chói lói sao vàng hoa vĩ đại... Vũ Hoàng Chương thừa hưởng được một trang dài ngang phần với... Vũ Hạnh trấn ngay bên cạnh. Để đáp lại thịnh tình, tôi xin mách:

Vũ Hoàng Chương không sinh năm 1916 như đã ghi theo lý lịch, mà sinh nhằm ngày 1 tháng tư năm Ất Mão, tức là 15 tháng 5 năm 1915. Năm 1969 ông có làm bài thơ đùa, mừng mình lên 55 tuổi (ta), vượt Khổng Minh một niên!

Nhân nhắc đến Vũ Hạnh, xin mạn phép nhận xét: soạn giả danh mục này quá ư chăm chú cho thành tích cách mạng của đương sự, nên không còn mấy quan tâm đến sự nghiệp văn học, không biết gì đến những tác phẩm có lẽ là khá nhất của Vũ Hạnh, là các tập truyện Chất Ngọc, Mùa Xuân trên đỉnh Non Cao, và Bút Máu.

(Đặng Tiến – Chimviet.free.fr)

## Chữ và nghĩa: Lái Thiêu

Tên Lái Thiêu bắt nguồn từ chuyện ông lái góm họ Huỳnh đã *thiếu* nhà vì say rượu.

(Hồ Đình Vũ – Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

## Chữ nghĩa làng văn

Văn chương là nghệ thuật ngôn ngữ. Căn bản nhất của ngôn ngữ là từ vựng. Nhà văn nào cũng cần có vốn từ vựng dồi dào và cần có khả năng chọn được những từ ngữ thích hợp, chính xác và độc đáo nhất để diễn tả những gì mình muốn nói. Chuyện đó hầu như ai cũng biết. Dù không phải ai cũng có thể làm được.

Nếu chữ là yếu tố căn bản của ngôn ngữ thì câu mới là yếu tố căn bản của văn chương. Chữ, trong văn chương, bao giờ cũng nằm trong một ngữ cảnh nhất định. Bởi vậy, không có chữ hay hay chữ dở, chữ thanh hay chữ tục, chữ cũ, chữ mới: Chỉ có những chữ dùng đắc thế hay không mà thôi: Chữ sẽ không còn là những cái xác nằm bẹp dí trên trang sách, như chúng vốn nằm trong các cuốn từ điển, mà chúng trở thành

những sinh vật biết ngo nguậy hay biết nhảy múa, và người đọc nếu không ngạc nhiên một cách thích thú thì ít nhất cũng chú ý, từ đó, ghi nhớ.

Tài năng chính của một nhà văn, có thể nói, ở khả năng kiến tạo câu văn. Người lười chỉ viết được những câu văn tuy đúng ngữ pháp nhưng câu nào cũng giống câu nào, tất cả đều đầy đặn và bằng phẳng, hàng nối hàng suông đuột, cứ trôi tuột qua mắt người đọc, không để lại một ấn tượng gì cả. Người chịu khó, ngược lại, không ngừng thay đổi cấu trúc câu để mỗi câu có một cái dáng và một cái thế riêng; hoặc nếu không, cũng có một cái vẻ riêng, tuy nằm cạnh nhưng lại không lẫn với những câu khác, khiến người đọc, dù không cố tâm, vẫn phải chú ý.

Nhưng một bài văn hay không phải chỉ hay ở câu. Hay, phải hay toàn bài. Bài hay có thể cứu được những câu dở, nhưng câu hay lại không cứu nổi bài dở. Bởi vậy cách tạo câu, quan trọng bằng cách lập ý, tức cấu trúc chung của cả bài. Lập ý giống như bày trận. Mỗi câu, mỗi ý và mỗi chi tiết được phải được sắp xếp làm sao để chúng có thể hỗ trợ cho nhau, cuối cùng, để lại một ấn tượng thật sâu trong lòng người đọc.

Trận đánh kết thúc ở câu/đoạn/ý cuối cùng. Theo tôi, người không biết kết thúc một bài văn cũng giống như một người chơi cờ mà không biết cách chiếu tướng.

(Nguyễn Hưng Quốc – Kinh nghiệm viết văn...)

**Đất lề quê thói :** Sinh đẻ

Đàn bà có thai phải kiêng:

Kiên ăn đồ cứng trong đám tang.

(để tránh cho đứa bé bị sài đẹn)

(Người Việt đất Việt – Toan Ánh)

**Liên kiều**

Chữ *liên* tên gọi cây thuốc *liên kiều* viết với bộ *sước* nghĩa là "nối liền", còn chữ *liên* để chỉ cây sen cũng là chữ *liên* đó nhưng thêm bộ *thảo* ở trên mà giới học chữ Hán gọi là *thảo đầu*. Chữ *kiều* là chữ tên cô Kiều của Nguyễn Du, viết với bộ *vũ* chữ *kiều* nghĩa là xinh, đẹp trong *yêu kiều*, *kiều nữ* thì viết với bộ *nữ*.

Tên gọi các cây thuốc vị thuốc trong Trung Y thường được đặt theo một số tiêu chuẩn như dựa vào tính chất (*phòng phong*), khí vị (*cam thảo*), màu sắc (*tử thảo*), cách sống (*bán hạ*), bộ phận (*quế chi*) v...v... và nhất là hình thái.

*Câu đằng* là một thứ dây leo có gai cong giống như lưới câu (*câu* = lưới câu, *đằng* = dây leo).

*Cẩu tích* là vị thuốc trông giống lưng con chó (*cẩu* = chó, *tích* = cột xương sống).

*Ngưu tất* là vị thuốc có đốt phình ra giống đầu gối con trâu (*ngưu* = trâu, *tất* = đầu gối).

*Ô đầu* là vị thuốc trông giống đầu con quạ (*ô* = quạ, *đầu* = đầu).

Như vậy, *liên kiều* có thể được định danh vì các cánh hoa mọc liền nhau, chi chít.

Các sách dược liệu học chữ Hán và chữ Nhật đều viết *liên kiều* với *liên* không có *thảo đầu*.

(Mai không phải là mai, liên không hẳn là sen – Trần Văn Tích)

**Đề: Tả một loại cây mà em biết.**

Hàng ngày chúng em vui đùa dưới bóng cây khoai lang.

**Tiếng Việt vừa dễ vừa khó**

Hỏi: Ách là chi vậy?

Đáp:

1/ Đoạn gỗ cong mắc lên cổ trâu bò để buộc dây kéo xe, cày, bừa: quàng ách vào cổ trâu.

2/ Gông cùm, xiềng xích: ách áp bức ách đô hộ phá ách kim kệp.

3/ Tai họa phải gánh chịu: ách giữa đàng quàng vào cổ.

4/ Ngăn, chặn lại, làm cho phải ngừng, dừng lại: ách xe giữa đường để hỏi giấy tờ.

5/ Bị đầy ứ, gây khó chịu: no anh ách, tức anh ách

(Nguồn ĐấtViet.com)



## Vật lộn với chữ nghĩa

Bài viết nhằm làm sáng tỏ nguyên nghĩa (sens étymologique) của chữ "**mặc khải**" (*révélation*) được dịch từ chữ Hy-lạp "ποκάλυψις", được đọc là: "apocalypsis". Nhiều tiếng như La-tinh, Anh, Pháp, Đức, Tây-ban-nha, Ý... cũng có các chữ tương tự: "apocalypsis, apocalyse, Apokalypse, apocalipsis, apocalisse ...". Do ý nghĩa này, chữ "revelatio, revelation, révélation, revelation, revelaci6na, rivelazione" là những danh từ của động từ gốc La-tinh "revelare" có nghĩa đen (nghĩa thật: sens propre) là "lấy/cắt cái màn che đi"!

Cho nên, bài viết ủng hộ "dụng ý tốt" (bonne intention) của rất nhiều học giả thần học bởi vì chữ "mặc khải: révélation " bắt nguồn từ kinh thánh!

## Khi các cụ ta xưa...xổ nho

*Em là con gái có chồng  
Mồ cha những đũa đem lòng nọ kia  
(Ca dao)*

## Văn học giải phóng Miền Nam

Những sách biên khảo văn học xuất bản ở trong nước sau 1975, thường không nhắc gì đến nền Văn Học Miền Nam từ 1954 đến 1975, mà thay vào đó là nền văn học được gọi là "văn học giải phóng miền Nam". Văn học "giải phóng" kê khai rất nhiều tên tuổi, đọc lên thì người miền Nam không biết họ là ai. Trên thực tế, văn đàn "giải phóng" miền Nam lúc đó chỉ có vài người như Vũ Hạnh, Lữ Phương... là thực thụ có mặt (chủ trương tờ Tin Văn). Vũ Hạnh là một trong những cây bút chính của tạp chí Bách Khoa, khuynh hướng chính trị đối lập với Võ Phiến. Vì vậy, có thể nói, nền "Văn học giải phóng miền Nam" đã được xây dựng trên những tên tuổi trá hình; là một nền văn học "giả" được "dụng" nên để thay thế một nền văn học thật, đã bị xoá bỏ. Hiện trạng lấy giả xoá thật này, vẫn còn tồn tại trong sinh hoạt văn học chính thức và trong giáo dục học đường hiện nay ở Việt Nam.

Nhưng các tác phẩm của văn học miền Nam, đối với một số đông người đọc trong nước vẫn còn xa lạ, trừ vài trường hợp đặc biệt như sách của Bình Nguyên Lộc được in lại những năm gần đây và trong năm nay một vài cuốn của Dương Nghiễm Mậu cũng đã xuất hiện. Nhưng lại có ngay sự phản hồi: Vũ Hạnh đã viết bài cực lực phản đối sự phổ biến các tác phẩm "độc hại" của Dương Nghiễm Mậu. Như thế, hơn ba mươi năm sau ngày thống nhất đất nước, việc in những tác phẩm của nhà văn miền Nam vẫn còn gặp nhiều cản lực. Cản lực đến từ phía chính quyền và từ những cá nhân bảo thủ, đồ kỵ.

(Thụy Khuê – Văn học miền Nam)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

*Anh xây em bằng cát.  
Rồi hôn em một phát.  
Ôi nụ hôn chưa chát.  
Toàn là đất với cát...*

## Phật/ Phát

Chữ Phật (chữ hán) gồm có một bên chữ "nhân" là người, một bên chữ "phát" là *chẳng*. Như vậy Phật là người *chẳng* nghĩ đến thế tục (thoát tục).

Trong *Sãi vãi* của Nguyễn Cư Trinh có câu: "Suy chữ nọ cho chơn – Chữ Phật là "*phát* trí nhân sự".

*Phát* còn có nghĩa là phủi bụi. Tàu lấy "đuôi ngựa" làm vật để phủi bụi và kêu là "mã vĩ".

Ta dùng lông gà nên gọi là "*chổi lông gà*". Hay "*cái phát trần*".



*Chổi Phát Trần*

## Văn ta, văn Tàu

Ta có thể chia các thể văn của ta ra làm hai loại: một là những thể văn mượn của Tàu, hai là những thể văn riêng của ta. Những thể văn mượn của Tàu có thể chia làm hai hạng: **Văn** văn là văn có vần và **Biền** văn là văn không có vần mà có đối.

Những thể văn riêng của ta là: lục bát, song thất, nói lối đều thuộc về loại văn vần cả. Còn các lối văn xuôi của Tàu (như tự, bạt, truyện, ký, bi, luận) thì các cụ hồi xưa ít viết bằng quốc âm.

Một điều khiến ta phân biệt được thể văn nào là mượn của Tàu và thể văn nào là riêng của ta là cách gieo vần. Những thể văn vần của Tàu thì bao giờ vần gieo cũng ở cuối câu. Những thể văn của ta thì vần vừa gieo ở cuối câu vừa gieo ở lưng chừng câu.

(Dương Quảng Hàm - Việt Nam văn học sử yếu)

## Bét

Bét : hết cỡ

(mở cửa bet)

(nát bet – bet con mắt đòi ăn)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Giai thoại làng văn xóm chữ: Tổng Quân Nam-phố

Vùng Nam-hạ, hồi xưa có một ông buôn đồ cổ, sưu tầm được nhiều bộ ấm chén rất quý. Ông lai buôn này theo đòi và cũng ít nhiều bút nghiên, song học đã sôi kinh nhưng chưa chín ... May gặp lúc Cognacq là giám đốc y tế nhưng có quyền to lại sành đồ cổ, ông mượn người đánh tiếng, rồi khi cái bát Khang-hy, khi đôi bình Ung-chính, chẳng bao lâu ông được ân sủng đến nỗi một ngày kia có nghị định bỏ đi tri huyện miền trung du. Nên đám sĩ phu có người gọi mỉa ông là "**huyện chén**", do đó thành tên gọi thường ngày.

Vài năm, ông bị sốt rét mà bỏ mình. Khi đưa linh cữu về an táng ở thành Nam, một ông bạn nhà nho viếng bốn chữ: Tổng Quân Nam-phố (tiền đưa ông ở Nam-phố)

Ai đọc cũng phải chịu là hay, vì lấy chữ sẵn trong Sở-từ nói lên được lòng tha thiết tiễn bạn, lại được chữ Nam-phố với thành Nam. Mãi sau mới có người vạch ra cái ẩn ý của người viếng. Bốn chữ này không ham một ý gì tiền đưa mền tiếc, chỉ là móc cái chỗ xuất thân của ông huyện: thì trong bộ đồ chè nào chẳng có một chén **tổng** và bốn chén **quân**, mà ông huyện nhà ta vốn lại có tên huyện chén ở khắp phố thành Nam!

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## Tiếng rao hàng

Có những giọng rao hàng giữa trưa nghe không rõ tiếng:

- Ai ngủ hôn?

Đó là tiếng rao của chị bán tàu hũ. Nghe kỹ mới biết là:

- Ai ăn tàu hũ hôn!

## Chữ và nghĩa

*Bạt* chữ Hán có hai nghĩa: rút lên, *nhảy qua*.

Cũng có nghĩa là *đoạn viết sau một cuốn sách*.

## Giá áo tui cơm

Thời Ngũ Đại, có một người tên là Mã Ân, tiếm ngôi vua Mã Ân nguyên trước chỉ là một vị quan võ nhỏ.

Nhưng Mã Ân thật sự lại chỉ là một kẻ tầm thường, bất tài, chuyên lo hưởng thụ, người đương thời gọi Mã Ân là "Tửu nang phạn đại", ý nói rằng Mã Ân chỉ là cái túi để chứa rượu, đựng cơm mà thôi. Về sau, người đời biến "Tửu nang phạn đại" thành thành ngữ "giá áo tui cơm".

(Nguồn: Tìm hiểu điển tích thành ngữ)